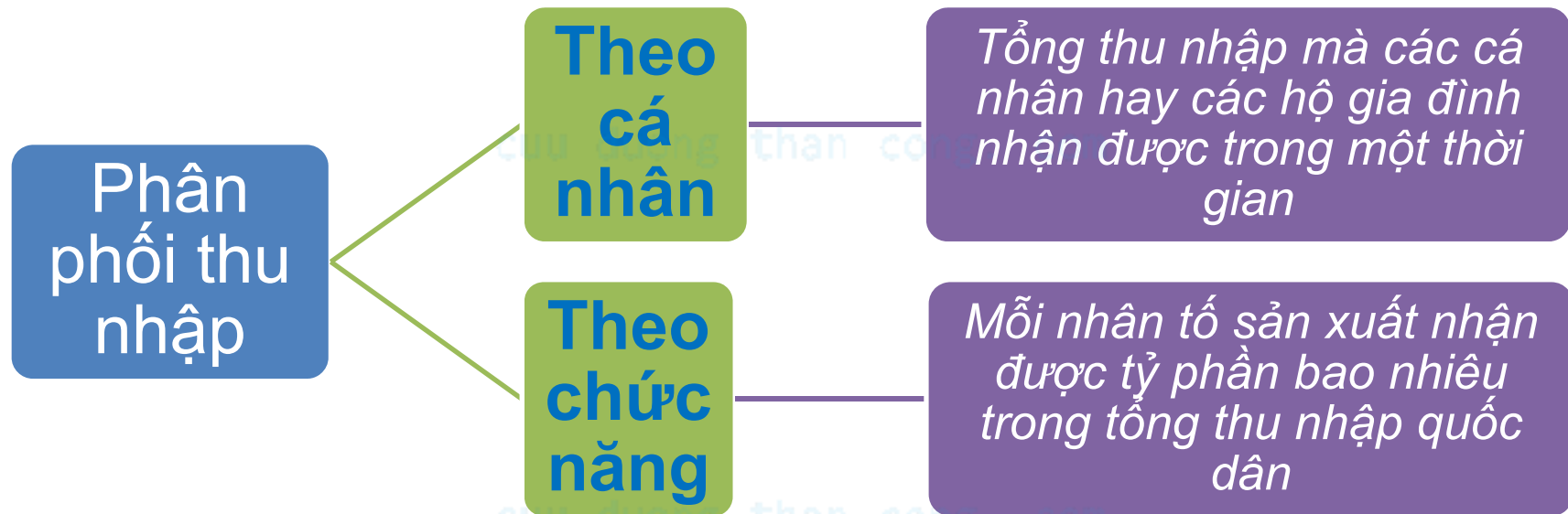


CHƯƠNG 4

cuu duong than cong. com

SỰ NGHÈO ĐÓI VÀ BẤT BÌNH ĐẲNG VỀ THU NHẬP

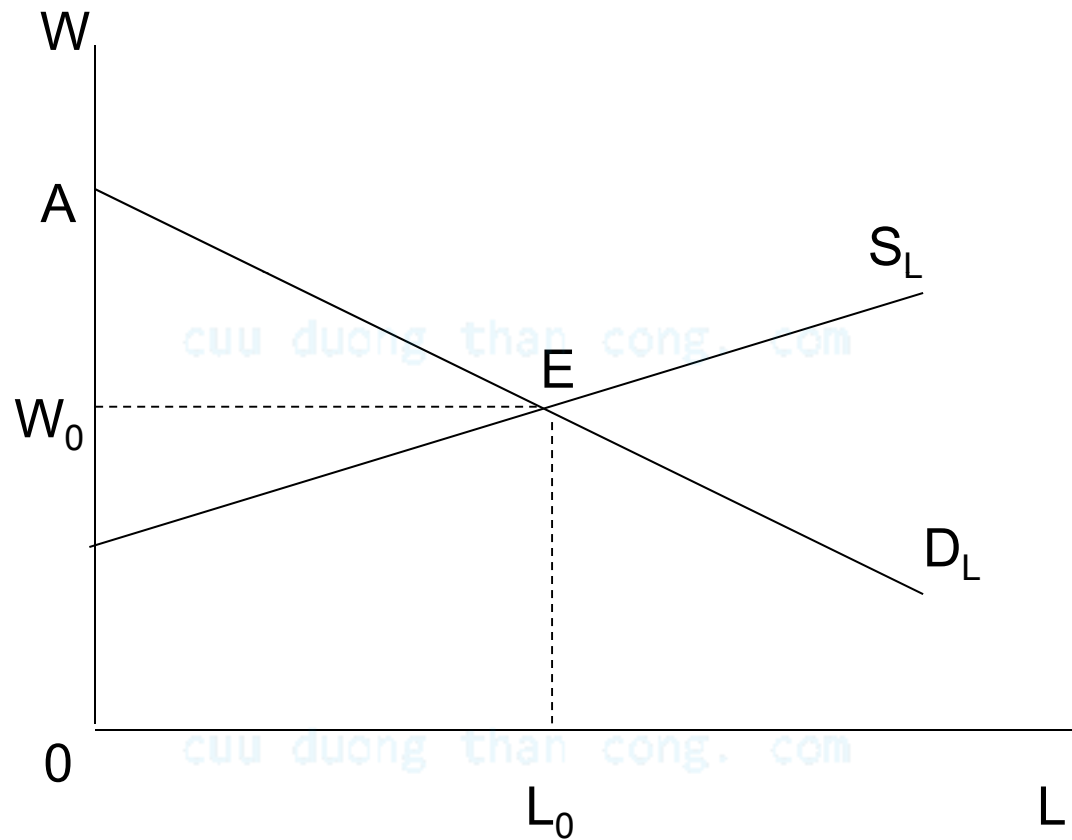
cuu duong than cong. com

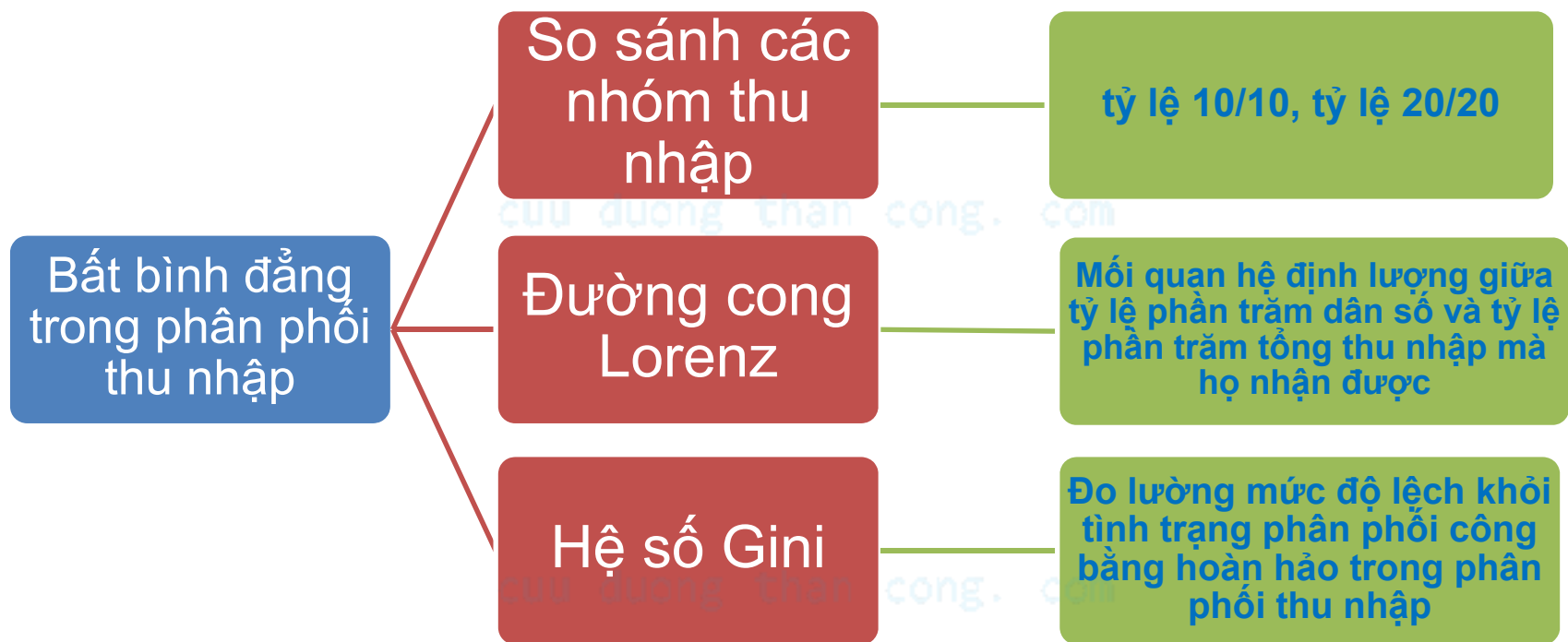


Phân phối thu nhập theo cá nhân

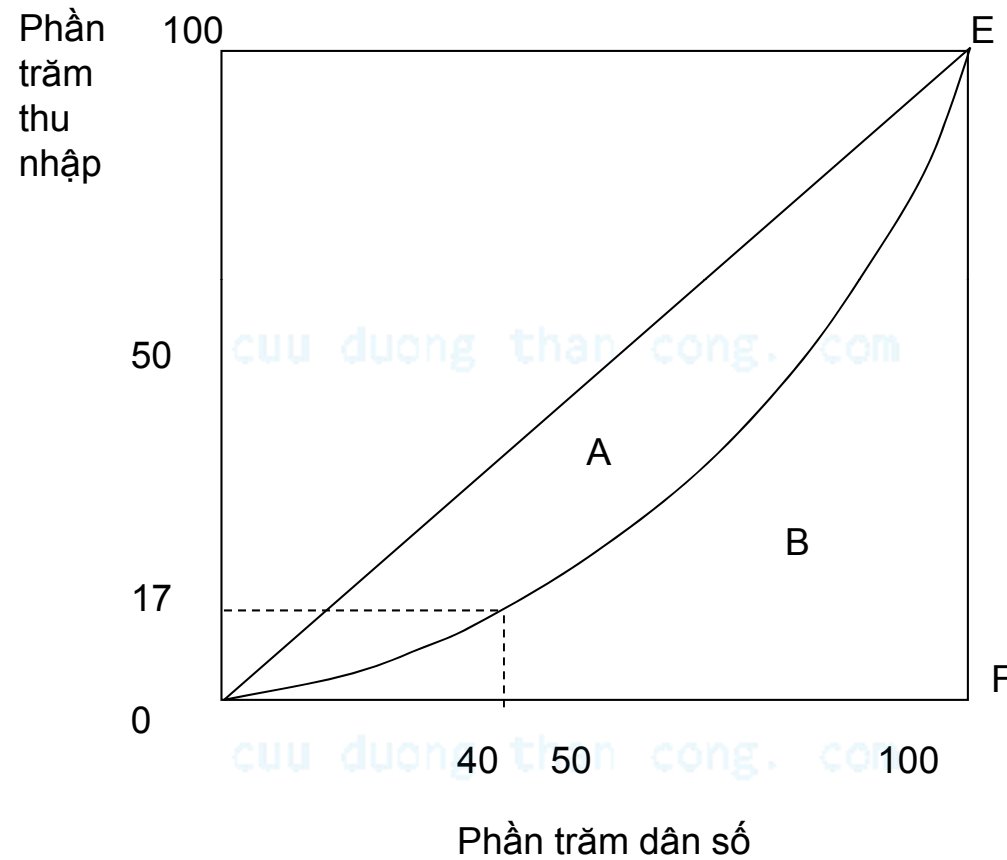
Cá nhân	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Thu nhập cá nhân	1,8	3,2	3,9	5,1	5,8	7,2	9,0	13	22,5	28,5
Phân nhóm	40% dân hạ lưu				40% dân trung lưu				20% dân thượng lưu	

Phân phối thu nhập theo chức năng (hay theo nhân tố)



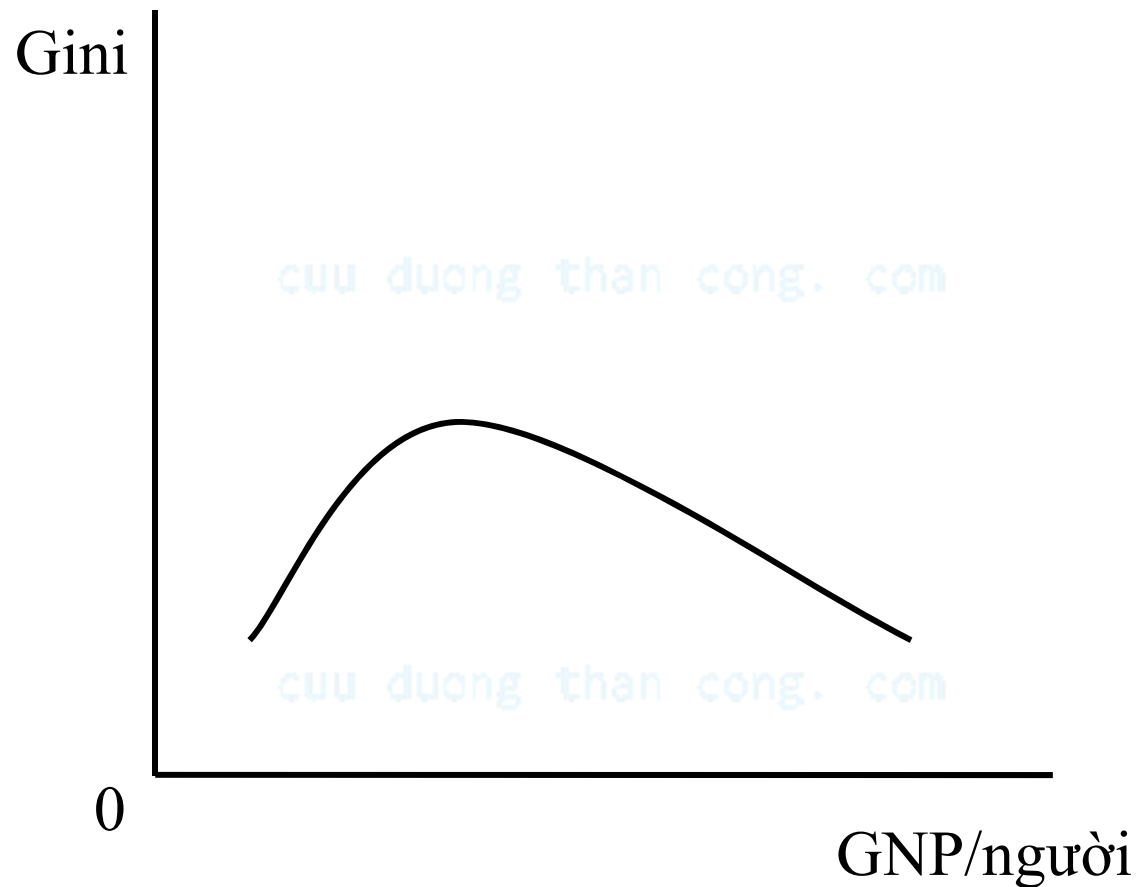


Đường cong Lorenz và hệ số Gini

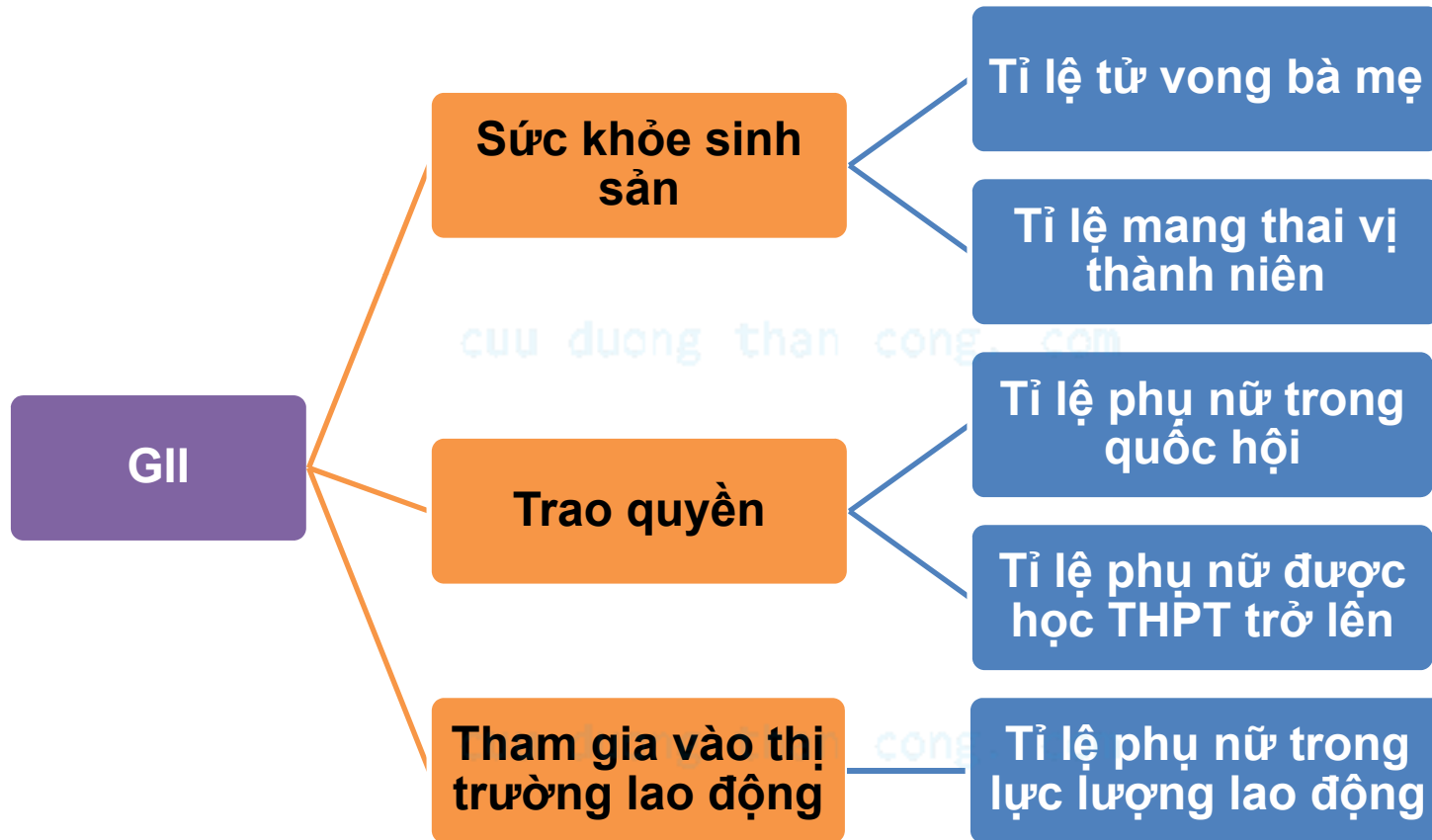


$$\text{GINI} = A/B$$

Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và bất bình đẳng trong phân phối thu nhập



Bất bình đẳng giới



- the Maternal Mortality Ratio (MMR), the data for which come from UNICEF's State of the World's Children, and the adolescent fertility rate (AFR),
- : the share of parliamentary seats held by each sex, which is obtained from the International Parliamentary Union, and higher education attainment levels

SỰ NGHÈO ĐÓI



Nghèo là gì?

NGHÈO

tình trạng một bộ phận dân cư **không được hưởng và thỏa mãn các nhu cầu cơ bản của con người** được xã hội thừa nhận tùy theo trình độ phát triển kinh tế - xã hội và phong tục tập quán của địa phương

NGHÈO TUYỆT ĐỐI

không đảm bảo được những nhu cầu cần thiết để duy trì cuộc sống.

NGHÈO TƯƠNG ĐỐI

sống trong điều kiện thấp hơn so với mức trung bình của cộng đồng.

Các tiêu chí nhận diện nghèo

- Định lượng: thu nhập bình quân, chi tiêu bình quân, chỉ số về của cải, ...
- Định tính: thiếu ăn, thiếu mặc, thiếu nước sạch, con cái không được học, nhà lá/vách đất hoặc không có nhà,...

Đo lường nghèo tương đối

Xác định các nhóm ngũ vị phân

Cá nhân	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Thu nhập cá nhân	1	2	4	5	6	8	10	14	22	28
Phân nhóm Ngũ vị phân (nhóm 20% dân số)	Ngũ vị phân thứ 1 (Nhóm nghèo nhất)		Ngũ vị phân thứ 2		Ngũ vị phân thứ 3 (Nhóm trung bình)		Ngũ vị phân thứ 4		Ngũ vị phân thứ 5 (Nhóm giàu nhất)	

Ngưỡng nghèo hay chuẩn nghèo

- Chuẩn nghèo lương thực, thực phẩm
- Chuẩn nghèo lương thực, thực phẩm và phi lương thực, thực phẩm hay chuẩn nghèo chung

Thế giới:

- Chuẩn thấp: 1\$/ngày/người
- Chuẩn cao: 2\$/ngày/người

Chuẩn nghèo ở Việt Nam

- **Chuẩn nghèo của TCTK và NHTG**

	92/93	97/98	2002
Nông thôn	87	-	-
Thành thị	108	-	-
Chung	97	149	160

- **Chuẩn nghèo của Bộ LĐ-TB-XH**

	97-01	01-05	06-10	11-15
MN, hải đảo	55	80	-	-
Nông thôn	70	100	200	400
Thành thị	90	150	260	500

Đơn vị: 1000 đồng/người/tháng

Các chỉ số nghèo đói

$$P_{\alpha} = \frac{1}{N} \sum_{i=1}^M \left[\frac{(z - y_i)}{z} \right]^{\alpha}$$

trong đó : z là chuẩn nghèo

y_i là thu nhập (hay chi tiêu) của người i trong hộ nghèo

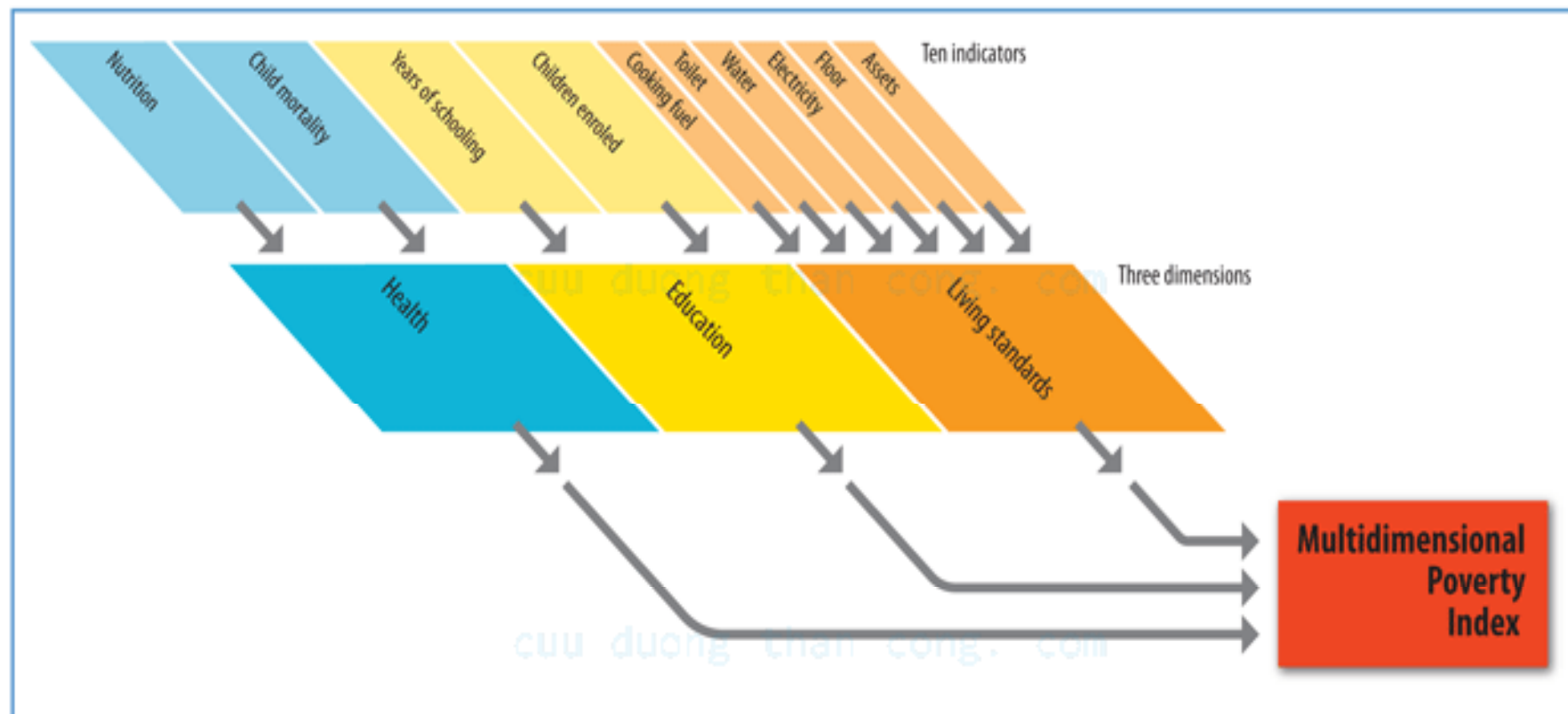
N là số người trong tổng thể

M là số người nghèo

- Tỷ lệ nghèo (P0): số hộ nghèo / tổng số hộ
 số người nghèo / tổng dân số
- Khoảng cách nghèo hay độ sâu nghèo (P1)
- Độ trầm trọng của nghèo (P2)
- Mật độ đói nghèo: số người nghèo / km²

Components of the Multidimensional Poverty Index

MPI—three dimensions and 10 indicators



Note: The size of the boxes reflects the relative weights of the indicators.

Source: Alkire and Santos 2010.

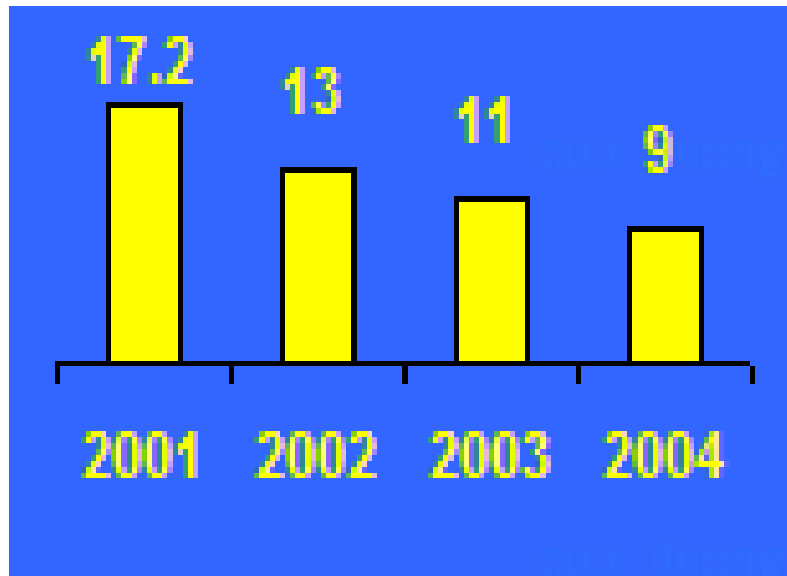
- <http://www.indexmundi.com/map/?v=69>

cuu duong than cong. com

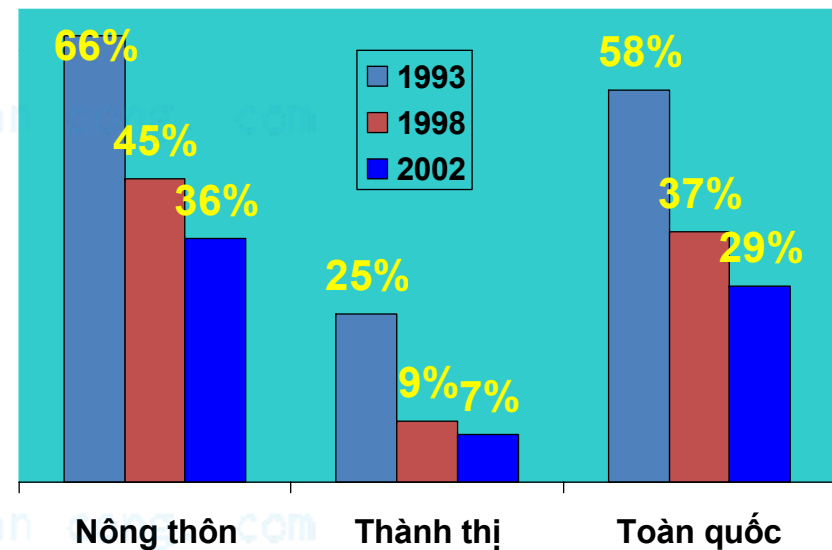
cuu duong than cong. com

Tỉ lệ nghèo ở Việt Nam

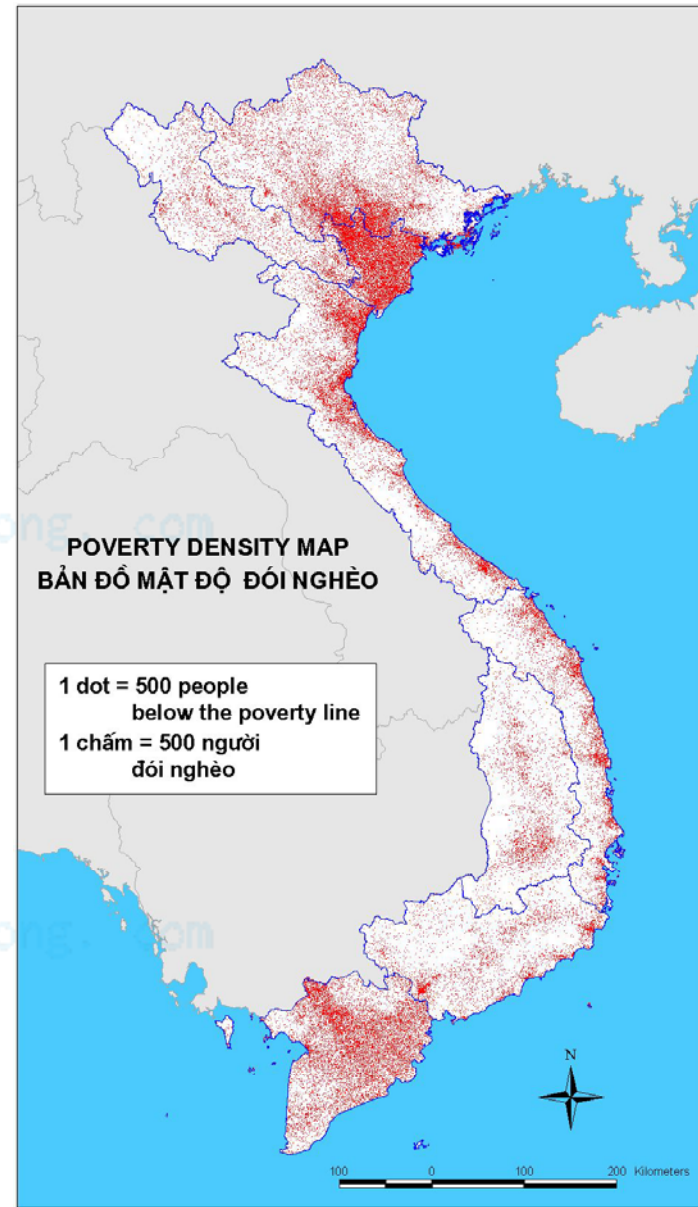
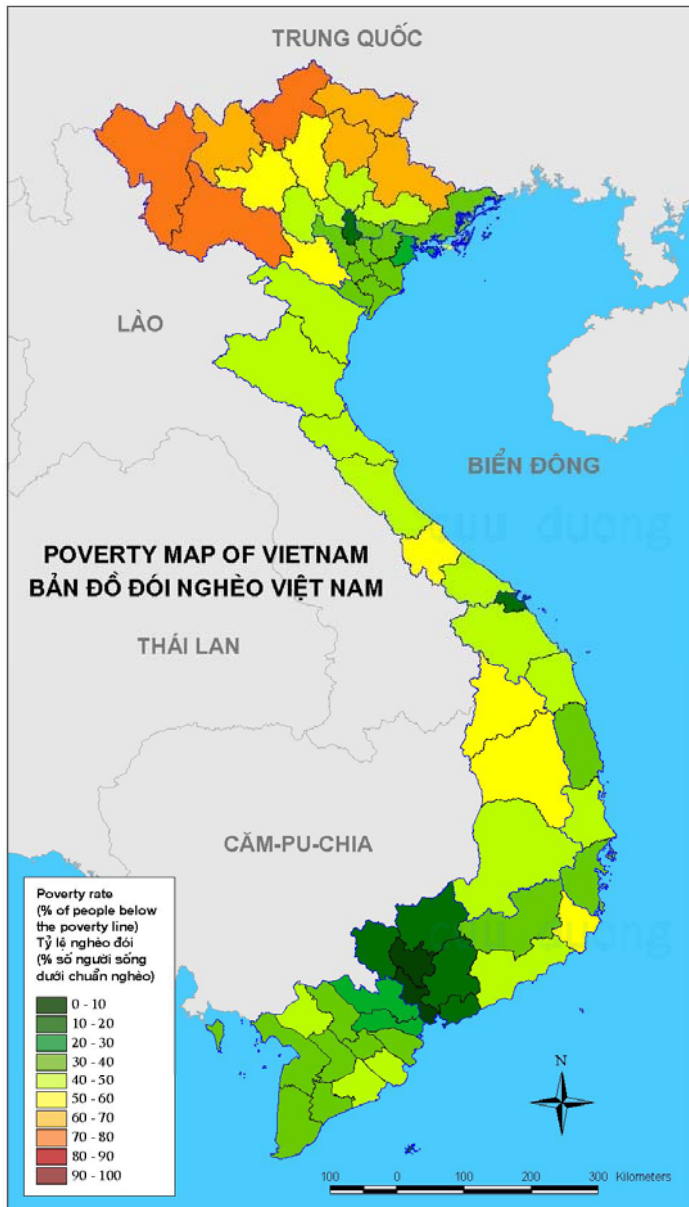
Bộ LĐTBXH



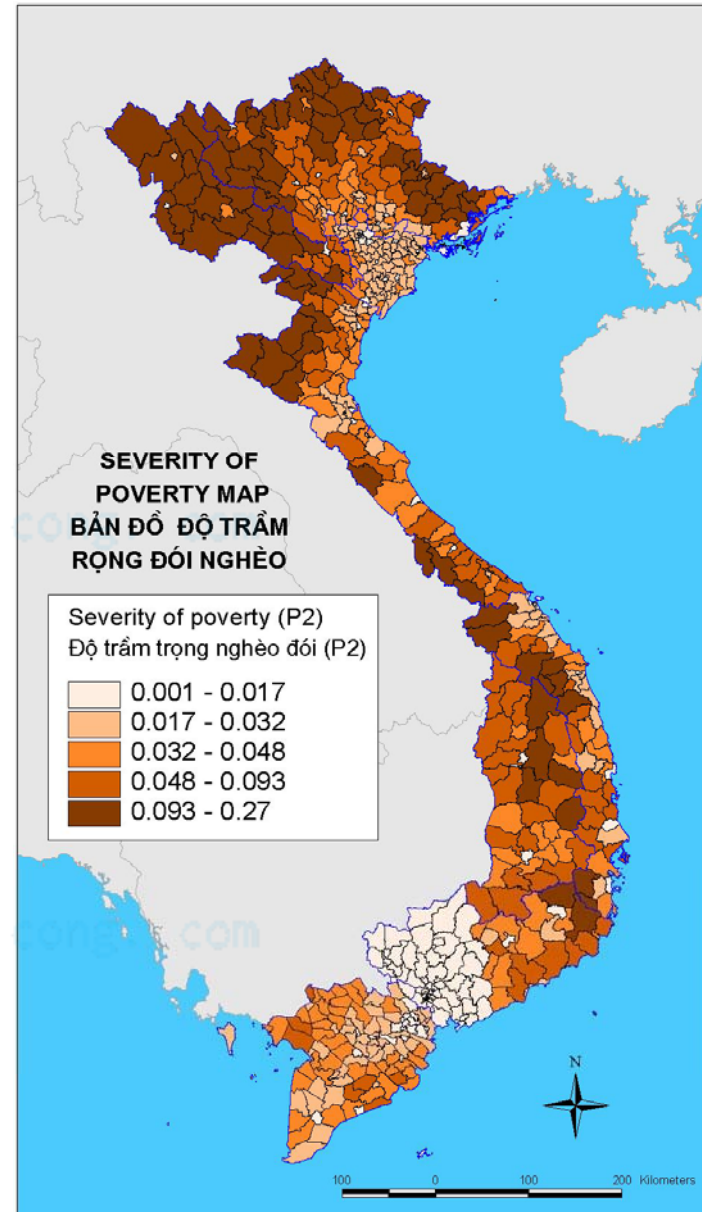
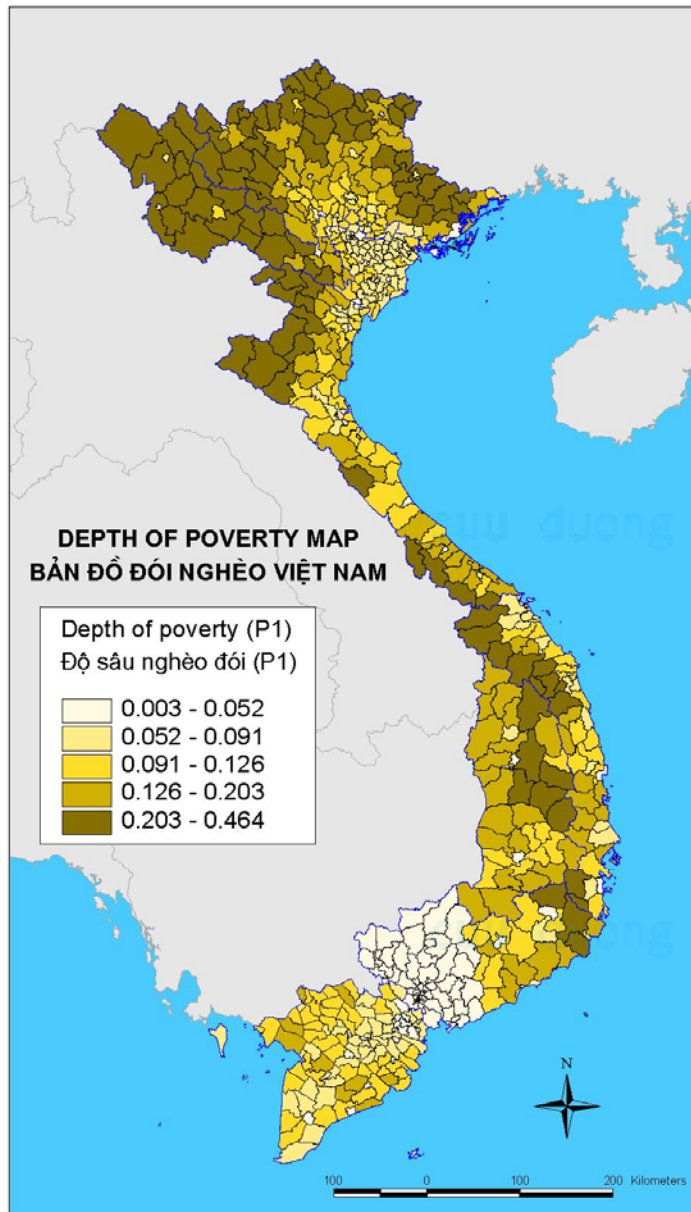
NHTG-TCTK



Bản đồ nghèo

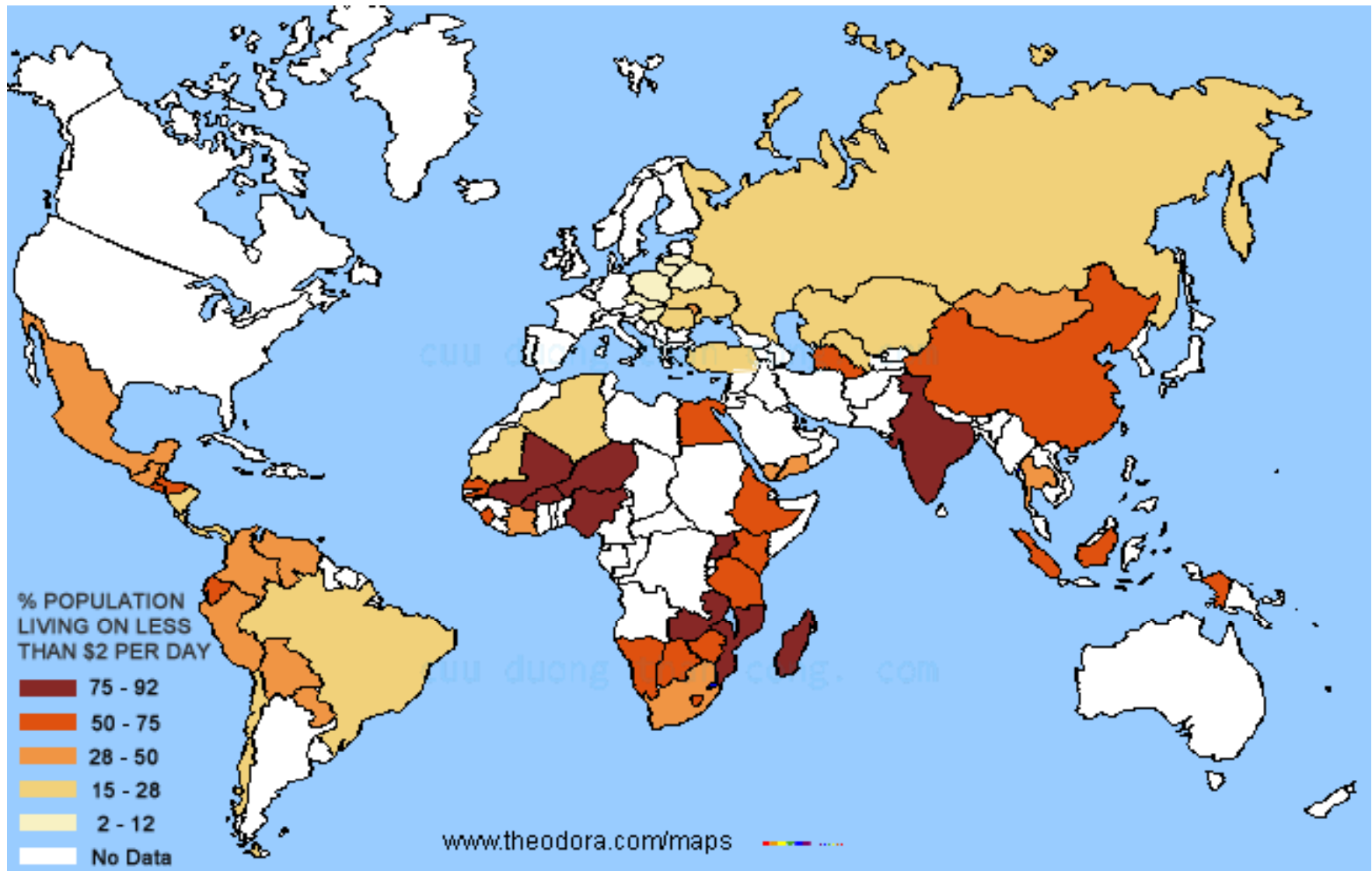


Bản đồ nghèo



% dân số sống dưới mức 2\$/ngày

(2000)



Xác định các nhóm nghèo đói

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com

Nguyên nhân của đói nghèo

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com